

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH BẠC LIÊU Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 140/2024/DS-PT  
Ngày 20 tháng 10 năm 2024  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phan Công Trí.

*Các Thẩm phán:*

- Bà Châu Minh Nguyệt.
- Bà Tăng Trần Quỳnh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Công Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Ông **Ngô Minh H**, sinh năm 1955.

1.2. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Minh H và bà Nguyễn Thị Đ: Bà **Cao Thị Túy G**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Số G, đường C, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Văn bản uỷ quyền ngày 18/5/2023).

2. *Đông bị đơn:*

2.1. Ông **Ngô H1**, sinh năm: 1946.

2.2. Bà **Quách Thị S**, sinh năm: 1954.

Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô H1, bà Quách Thị S: Bà **Hồ Huỳnh Tố H2**, sinh năm: 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Số D, đường L, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2023).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh **Ngô Đức H3**, sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Bà **Mã Thị Tuyết P**, sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Chị **Ngô Mỹ N**, sinh năm: 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.4. Chị **Ngô Mỹ N1**, sinh năm: 2003 (Vắng mặt).

3.5. Cháu **Ngô Mỹ K**, sinh ngày: 17/03/2010.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp của cháu Ngô Mỹ K: Anh **Ngô Đức H3**, sinh năm: 1972 – là cha ruột (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.6. Chị **Ngô Kim Â** (*Đã chết và không có chồng, con*).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.7. Chị **Ngô Kim P1**, sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

3.8. Cháu **Nguyễn Thụy Cát T**, sinh năm 2009.

3.9. Cháu **Nguyễn Thụy Tường A**, sinh năm 2011.

Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Thụy Cát T và Nguyễn Thụy Tường A1: Chị **Ngô Kim P1**, sinh năm: 1982 – là mẹ ruột (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.10. Bà **Nguyễn Thị T1** (Vắng mặt).

Địa chỉ: K xác định được địa chỉ.

3.11. Bà **Nguyễn Thị O** (Vắng mặt).

Địa chỉ: K xác định được địa chỉ.

3.12. Ông **Nguyễn Song A2** (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.13. Ông **Nguyễn Thanh B** (Vắng mặt).

Địa chỉ: K xác định được địa chỉ.

3.14. Bà **Nguyễn Kim H4** (Vắng mặt).

Địa chỉ: K xác định được địa chỉ.

3.15. Bà **Nguyễn Kim A3** (Vắng mặt).

Địa chỉ: K xác định được địa chỉ.

3.16. Bà **Trần Thị T2**, sinh năm 1945 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.17. Ông **Nguyễn Văn H5** (Vắng mặt).

Địa chỉ: K xác định được địa chỉ.

3.18. Ông **Nguyễn Thanh S1** (Vắng mặt).

Địa chỉ: K xác định được địa chỉ.

3.19. Bà **Nguyễn Ngọc G1** (Vắng mặt)

Địa chỉ: Không xác định được địa chỉ.

3.20. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Trụ sở: Ấp Thị Trấn A, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ Văn L**, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H. Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lâm Thị Tuyết T3**, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H (Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2023)(Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Minh H, bà Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo Đơn khởi kiện ngày 16/3/2023, ông Ngô Minh H, bà Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn, trong quá trình giải quyết do người đại diện theo ủy quyền bà Cao Thị Túy G trình bày: Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ vợ ông Ngô Minh H là cụ Nguyễn Văn H6 và cụ Mai Thị N2 khai phá; cụ H6 chết năm 2004 và cụ N2 chết năm 2018 và 02 cụ có với nhau 07 người con gồm Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị O, Nguyễn Song A2, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Kim H4, Nguyễn Kim A3. Sau đó, cụ H6 chung sống với cụ Trần Thị T2 có 03 người con là Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Việt H7, Nguyễn Ngọc G1. Năm 1992, cụ H6 và cụ N2 tặng cho đất cho vợ chồng ông Ngô Minh H và bà Nguyễn Thị Đ; vợ chồng ông H sử dụng đất để cất nhà ở và đào ao nuôi cá từ năm 1992. Đến cuối năm 2001, đầu năm 2002, ông H dỡ nhà về S ở nên để đất trống. Ông H6 và bà N2 có nhiều đất, năm 2000, cụ H6 chuyển nhượng cho ông Ngô H1 diện tích đất 516 m<sup>2</sup>; cụ H6 không có chuyển nhượng cho ông Ngô Huê P2 đất đã tặng cho vợ chồng ông H; phần đất ông Ngô Huê N3 chuyển nhượng của cụ H6 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Ngô H1 với diện tích 516 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, ông Ngô H1 chiếm dụng diện tích đất 157,65 m<sup>2</sup> của vợ chồng ông H. Đến năm 2015, ông H mới biết việc ông Ngô H1 chiếm dụng đất và xảy ra tranh chấp cho đến nay. Ông Ngô Minh H và bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu vợ chồng ông Ngô H1 trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 157,65 m<sup>2</sup> nhưng bằng giá trị thành tiền là 1.644.496.923 đồng, vì ông Ngô H1 đã cất nhà kiên cố trên phần đất tranh chấp. (ông H, bà Đ không yêu cầu đo đạc, định giá lại phần đất tranh chấp mà yêu cầu vào kết quả đã đo đạc trước đây và giá đất đã được áp dụng khi xét xử sơ thẩm và phúc thẩm).

\* Theo ông Ngô H1 và bà Quách Thị S là bị đơn, do người đại diện theo ủy quyền bà Hồ Huỳnh Tố H2 trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Ngô H1 và bà Quách Thị S nhận chuyển nhượng của cụ Nguyễn Văn H6 và cụ Trần Thị T2 (Cha mẹ vợ của ông Ngô Minh H) vào ngày 08/10/2000 với diện tích là toàn bộ phần đất của cụ H6 và cụ T2 bao gồm nhà, đất thổ cư, đất vườn tạp, ao đĩa với giá chuyển nhượng là 130.000.000 đồng. Sau khi trả tiền chuyển nhượng đất cho cụ H6, cụ H6 đã giao đất cho ông H1 và bà S sử dụng. Khi giao đất giữa hai bên không đo đạc thực tế, nhưng cụ H6 đã giao toàn bộ diện tích đất được bao quanh bằng dây hàng rào (bao gồm diện tích 02 thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 516m<sup>2</sup> và phần đất quy hoạch làm con lộ dân sinh 171,4 m<sup>2</sup>). Còn diện tích đất ghi trong Hợp đồng 516 m<sup>2</sup> là theo diện tích của sổ thửa đất, từ

bản đồ mà cụ H6 được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời các bên giáp ranh với phần đất mà cụ H6 bán cho ông H1 đều ký giáp ranh.

Còn về căn nhà của ông H nằm trong phần đất mà cụ H6 chuyển nhượng cho ông H1 là lúc đó ông H không có đất ở nên cụ H6 cho ở nhờ trên phần đất của cụ H6 chuyển nhượng cho ông H1. Sau khi cụ H6 nhận đủ tiền của ông H1, khoảng 2 đến 3 tháng sau cụ H6, ông H dỡ nhà đi trả lại phần đất cho ông H1, ông H chuyển hộ khẩu đến ấp thị trấn A, thị trấn H để sinh sống. Sau khi nhận chuyển nhượng đất vào năm 2002, ông H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này với diện tích là 516m<sup>2</sup> (đã trừ đi phần đất do có quy hoạch lộ dân sinh phía sau mặt hậu của thửa đất).

Đến năm 2015, Nhà nước không làm lộ dân sinh và Nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho người dân đối với phần đất đã quy hoạch này thì ông H1 đã đăng ký cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng sử dụng đất mà cụ Ngô Văn H8 và Trần Thị T2 bán cho ông H1 với tổng diện tích sử dụng là 676,1m<sup>2</sup> và đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô H1 vào ngày 06/02/2015. Thực tế phần đất mà gia đình ông H1 quản lý sử dụng đã mua trên hiện trạng mà ông cụ Nguyễn Văn H6 và cụ Trần Thị T2 bán cho ông H1 là 687,4m<sup>2</sup> (bao gồm 516m<sup>2</sup> và 157,65m<sup>2</sup>). Phần đất ông H khởi kiện 157,65 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 03, 21 tờ bản đồ số 52 nằm ở phía trước giáp Quốc Lộ A, còn phần đất ông H1 cấp đổi tăng thêm từ con lộ dân sinh được cấp là ở phía sau thửa đất, chứ ông H1 không chiếm đất của ông H diện tích thửa đất mới tăng thêm như trình bày của ông H. Vì vậy, trước yêu cầu của vợ chồng ông H đòi ông H1 và bà S trả diện tích đất theo đo đạc thực tế là 157,65 m<sup>2</sup> nhưng bằng giá trị thành tiền là 1.644.496.923 đồng thì ông H1 và bà S không đồng ý.

*Theo Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:* Phần đất của hộ ông Ngô H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21/10/2002 với diện tích là 516m<sup>2</sup> ( trong đó thửa 21 diện tích là 369m<sup>2</sup> và thửa 03 là 147m<sup>2</sup>, thuộc tờ bản đồ số 52). Vào thời điểm cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Ngô H1 năm 2002 tại các thửa đất số 21, số 03, tờ bản đồ số 52 thì phía giáp ranh hướng Bắc các thửa đất này Nhà nước có quy hoạch lộ dân sinh (quy hoạch xây dựng). Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002, hộ ông H1 có cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015. Diện tích đất khi được cấp đổi năm 2015 so với diện tích đất được cấp năm 2002 có thay đổi là diện tích có tăng thêm cụ thể là: Thửa 21 diện tích là 425,6m<sup>2</sup> và thửa 03 là 250,5m<sup>2</sup>, thuộc tờ bản đồ số 52. Như vậy, tổng diện tích tăng thêm của 02 thửa là 160,1m<sup>2</sup> so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002. Theo nội dung Công văn số 67 ngày 04/5/2021 của Phòng T là do phần đất này trước đây ông Ngô Huê N3 chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H6 và bà Trần Thị T2. Đến năm 2015, Nhà nước không còn quy hoạch lộ dân sinh phía sau hậu đất nữa nên trong quá trình cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H1 có chỉ định lại ranh giới các thửa đất cho cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc thực tế lại toàn bộ phần đất của gia đình ông H1 đang quản lý sử dụng có sự chứng kiến và xác nhận của các hộ sử dụng đất

liên kê với thửa đất hộ ông Ngô H1 (do UBND thị trấn H thực hiện và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký thẩm tra xác nhận đủ điều kiện cấp đổi). Đối với phần diện tích đất tăng thêm 160,1m<sup>2</sup> khi được cấp đổi thì phía ông Ngô H1 cũng đã thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước theo quy định pháp luật. Về trình tự, thủ tục cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô H1 thì theo Công văn số 67 ngày 04/5/2021 của Phòng T; Căn cứ vào Điều 76 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Ngô H1 là hoàn toàn đúng trình tự, thủ tục quy định.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

*Tuyên xử:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh H, bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Ngô H1 và bà Quách Thị S đòi diện tích đất 157,65 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu trị giá thành tiền là 1.644.496.923 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn ông Ngô Minh H, bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Minh H, bà Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu. Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Minh H, bà Nguyễn Thị Đ hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án

theo trình tự phúc thẩm, theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả diện tích đất theo đo đạc thực tế ngày 21/8/2019 là 157,65m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp thị trấn B, thị trấn H, huyện H, Bạc Liêu (nhưng yêu cầu trả giá trị thành tiền).

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Minh H, bà Nguyễn Thị Đ:

[3.1] Xét về nguồn gốc đất, sử dụng và quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Vị trí đất nguyên đơn tranh chấp nằm trong một phần thửa 21, thửa số 3, tờ bản đồ số 52 và nguyên đơn cho rằng đã được cụ H6 cho vào năm 1992 nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Nguyên đơn xác định vị trí đất bị đơn lấn chiếm phần đất tiếp giáp gần với Quốc lộ A, tại thửa 21 có chiều ngang là 2,5m, chiều dài 40m, thửa số 03 chiều ngang là 06m, dài 7m.

Bị đơn xác định nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng của cụ H6. Từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 đến năm 2015 chiều rộng mặt tiền và mặt hậu thửa 21 không có sự thay đổi.

Ngoài ra, theo sơ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp của ông H1 nhận chuyển nhượng không thể hiện diện tích đất trống nằm trong ranh quy hoạch chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nguyên đơn trình bày. Cũng theo Công văn số 67/TNMT ngày 04/5/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Bạc Liêu (bút lục 426-427) cung cấp: Diện tích đất tăng thêm khi cấp đổi quyền sử dụng đất vào năm 2015 là do Nhà nước không còn quy hoạch lộ dân sinh phía sau mặt hậu của đất, chứ không phải diện tích tăng lên ở phần mặt trước tiếp giáp gần với quốc lộ mà ông H đang tranh chấp; diện tích đất tranh chấp bị đơn cũng sử dụng ổn định từ lúc nhận chuyển nhượng từ cụ H6 và đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác làm thay đổi bản chất vụ án.

[3.2] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Các phần khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn ông Ngô Minh H, bà Nguyễn Thị Đ được miễn nộp 300.000 đồng, do nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin

miễn án phí (bút lục 1033), theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 228, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 158, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 202, 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Minh H, bà Nguyễn Thị Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh H, bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Ngô H1 và bà Quách Thị S đòi diện tích đất 157,65 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu trị giá thành tiền là 1.644.496.923 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm hai mươi ba đồng).

2. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản ông Ngô Minh H và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 14.250.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Ông H đã dự nộp và chi xong 13.950.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng); ông H1, bà S đã sự nộp và chi xong 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Buộc ông H và bà Đ có nghĩa vụ hoàn lại cho ông H1, bà S 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

### 3. Án phí dân sự:

Ông Ngô Minh H, bà Nguyễn Thị Đ được miễn nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Ông Ngô Minh H, bà Nguyễn Thị Đ được miễn nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm.

Ông Ngô Minh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu số 0010229 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

**5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Hoà Bình;
- CCTHADS huyện Hoà Bình;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Phan Công Trí**